

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải

Vùng biển: Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Vũng Tàu – Thị Vải

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.

Xét Đơn đề nghị số 72/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 30/5/2025 của Xi nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu thông báo về thông số kỹ thuật của của luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia – sông Cái Mép – sông Thị Vải:

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “1” – 880 m đến phao BHHH số “1” – 480 m, chiều dài khoảng 400 m, độ sâu đạt 14,2 m, độ sâu tại tim luồng đạt 15,2 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ BHHH số “1” – 420 m đến phao BHHH số “1” + 480 m, chiều dài khoảng 900 m, lần luồng xa nhất 96 m, độ sâu đạt 12,0 m nằm sát biên luồng.

- Có các điểm độ sâu 15,4 m; 15,3 m; 15,1 m; 15,0 m; 14,9 m; 14,7 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,4	10 ⁰ 17’36,5” N	107 ⁰ 04’25,4” E	10 ⁰ 17’32,9” N	107 ⁰ 04’31,8” E
15,1	10 ⁰ 17’59,5” N	107 ⁰ 04’20,6” E	10 ⁰ 17’55,8” N	107 ⁰ 04’27,1” E
14,9	10 ⁰ 17’60,0” N	107 ⁰ 04’21,3” E	10 ⁰ 17’56,3” N	107 ⁰ 04’27,8” E
14,9	10 ⁰ 18’00,4” N	107 ⁰ 04’22,0” E	10 ⁰ 17’56,8” N	107 ⁰ 04’28,4” E
14,7	10 ⁰ 18’00,6” N	107 ⁰ 04’22,2” E	10 ⁰ 17’57,0” N	107 ⁰ 04’28,7” E
15,1	10 ⁰ 18’00,9” N	107 ⁰ 04’22,6” E	10 ⁰ 17’57,2” N	107 ⁰ 04’29,1” E
15,0	10 ⁰ 18’13,6” N	107 ⁰ 04’01,5” E	10 ⁰ 18’09,9” N	107 ⁰ 04’07,9” E
15,1	10 ⁰ 18’14,0” N	107 ⁰ 04’02,2” E	10 ⁰ 18’10,3” N	107 ⁰ 04’08,6” E
15,3	10 ⁰ 18’14,4” N	107 ⁰ 04’02,9” E	10 ⁰ 18’10,8” N	107 ⁰ 04’09,3” E

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “3” – 560 m đến phao BHHH số “3” – 160 m, chiều dài khoảng 400 m, độ sâu đạt 13,9 m, độ sâu tại tim luồng đạt 14,2 m.
- Có các điểm độ sâu 14,6 m; 13,6 m; 15,4 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
14,6	10°19'04,9" N	107°03'28,2" E	10°19'01,2" N	107°03'34,6" E
13,6	10°19'05,3" N	107°03'28,8" E	10°19'01,7" N	107°03'35,3" E
15,4	10°19'09,3" N	107°03'35,0" E	10°19'05,7" N	107°03'41,5" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ BHHH số “5” – 640 m đến phao BHHH số “5” – 240 m, chiều dài khoảng 400 m, lần luồng xa nhất 54 m, độ sâu đạt 14,7 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “5” – 180 m đến phao BHHH số “5” + 1420 m, chiều dài khoảng 1,6 km, độ sâu đạt 11,1 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 14,6 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “7” – 380 m đến phao BHHH số “7”, chiều dài khoảng 380 m, độ sâu đạt 14,8 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “7” + 600 m đến phao BHHH số “9” – 850 m, chiều dài khoảng 940 m, độ sâu đạt 14,1 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “12” – 200 m đến phao BHHH số “12” + 1400 m, chiều dài khoảng 1,6 km, lần luồng xa nhất 70 m, độ sâu đạt 14,5 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “12” + 1400 m đến phao BHHH số “14” + 1450 m, chiều dài khoảng 2,77 km, độ sâu đạt 14,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 15,1 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “14” + 1450 m đến phao BHHH số “19” – 420 m, chiều dài khoảng 4,4 km:

+ Có điểm độ sâu 12,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12,6	10°27'04,8" N	106°59'37,1" E	10°27'01,1" N	106°59'43,5" E

+ Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt 13,2 m, độ sâu tại tim luồng đạt 15,3 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “19” – 420 m đến phao BHHH số “19” + 630 m, chiều dài khoảng 1,0 km, lần luồng xa nhất 126 m, độ sâu đạt 14,2 m.

- Có các điểm độ sâu 15,4 m; 15,3 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

15,3	10 ⁰ 29'35,9" N	106 ⁰ 59'37,1" E	10 ⁰ 29'32,3" N	106 ⁰ 59'43,5" E
15,4	10 ⁰ 29'42,5" N	106 ⁰ 59'36,4" E	10 ⁰ 29'38,8" N	106 ⁰ 59'42,9" E
15,3	10 ⁰ 29'43,2" N	106 ⁰ 59'37,5" E	10 ⁰ 29'39,5" N	106 ⁰ 59'44,0" E
15,3	10 ⁰ 29'48,1" N	106 ⁰ 59'36,6" E	10 ⁰ 29'44,4" N	106 ⁰ 59'43,1" E
15,4	10 ⁰ 29'52,2" N	106 ⁰ 59'37,8" E	10 ⁰ 29'48,6" N	106 ⁰ 59'44,2" E

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ1) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 700 m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Thêu – sông Cái Mép), độ sâu đạt 16,1 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 15,3 m; 15,0 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,3	10 ⁰ 30'50,9" N	107 ⁰ 00'09,2" E	10 ⁰ 30'47,2" N	107 ⁰ 00'15,6" E
15,3	10 ⁰ 30'52,2" N	107 ⁰ 00'10,8" E	10 ⁰ 30'48,5" N	107 ⁰ 00'17,2" E
15,0	10 ⁰ 30'54,8" N	107 ⁰ 00'12,3" E	10 ⁰ 30'51,1" N	107 ⁰ 00'18,7" E

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ2) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 600 m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Gò Gia – sông Cái Mép – sông Thị Vải), độ sâu đạt 15,7 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 15,5 m.

2. Đoạn luồng từ vũng quay trở tại khu vực ngã ba sông Gò Gia – sông Cái Mép – sông Thị Vải đến hết vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng nhà máy đóng tàu Ba Son:

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “26” – 580 m đến phao BHHH số “28” – 170 m, chiều dài khoảng 1,7 km, độ sâu đạt 13,1 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 13,8 m.

+ Có điểm độ sâu 13,6 m cách tim luồng khoảng 7 m về phía bên trái tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,6	10 ⁰ 32'01,5" N	107 ⁰ 01'16,7" E	10 ⁰ 31'57,8" N	107 ⁰ 01'23,1" E

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ3) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 500 m (tại khu nước phía hạ lưu cầu cảng số 2 thuộc Bến cảng Nhà máy Đóng tàu Ba Son), độ sâu đạt 13,9 m.

Ngoài các dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng từ 250 ÷ 310 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,0 m.

3. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu tại khu nước phía hạ lưu cầu cảng số 2 thuộc Bến cảng Nhà máy Đóng tàu Ba Son đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA):

- Có các điểm độ sâu 11,5 m; 11,8 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,5	10°32'44,7" N	107°01'07,0" E	10°32'41,0" N	107°01'13,5" E
11,5	10°32'44,0" N	107°01'06,6" E	10°32'40,3" N	107°01'13,0" E
11,8	10°32'44,9" N	107°01'04,5" E	10°32'41,3" N	107°01'10,9" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "35" + 200 m đến phao BHHH số "37" + 140 m, chiều dài khoảng 1,1 km, lần luồng xa nhất 70 m, độ sâu đạt 7,7 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "42" – 450 m đến phao BHHH số "42" + 500 m, chiều dài khoảng 1,1 km, lần luồng xa nhất 125 m, độ sâu đạt 7,7 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng từ 283 ÷ 310 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn – Việt Nam (SITV):

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ phao BHHH số "44" đến phao BHHH số "48" – 200 m, lần luồng xa nhất 135 m, chiều dài khoảng 900 m, độ sâu đạt 5,1 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ phao BHHH số "48" + 1050 m đến thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn – Việt Nam (SITV), lần luồng xa nhất 55 m, chiều dài khoảng 500 m, độ sâu đạt 5,9 m.

- Có điểm độ sâu 11,4 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,4	10°35'36,8" N	107°01'23,7" E	10°35'33,2" N	107°01'30,2" E

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 12,0 m.

5. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn – Việt Nam (SITV) đến thượng lưu Bến cảng Phước An (giai đoạn I):

- Có các điểm độ sâu 11,3 m; 11,2 m; 10,7 m; 10,8 m; 10,6 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

11,3	10°36'09,7" N	107°01'01,2" E	10°36'06,0" N	107°01'07,6" E
11,3	10°36'41,9" N	107°00'30,9" E	10°36'38,2" N	107°00'37,3" E
11,2	10°36'24,7" N	107°00'51,3" E	10°36'21,0" N	107°00'57,8" E
11,2	10°36'41,2" N	107°00'39,2" E	10°36'37,5" N	107°00'45,6" E
10,7	10°36'44,3" N	107°00'35,4" E	10°36'40,6" N	107°00'41,8" E
10,8	10°36'54,5" N	107°00'15,8" E	10°36'50,8" N	107°00'22,2" E
10,6	10°36'57,1" N	107°00'14,6" E	10°36'53,4" N	107°00'21,1" E

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải chiều rộng đáy luồng từ 140 ÷ 220m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,4 m.

6. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Phước An (giai đoạn 1) đến hết vũng quay tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái:

- Có các điểm độ sâu 7,0 m; 6,8 m; 7,1 m; 5,9 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7,0	10°38'47,1" N	107°00'38,6" E	10°38'43,4" N	107°00'45,0" E
6,8	10°39'41,8" N	107°00'43,1" E	10°39'38,2" N	107°00'49,5" E
7,1	10°39'43,5" N	107°00'38,5" E	10°39'39,8" N	107°00'44,9" E
5,9	10°39'42,7" N	107°00'38,4" E	10°39'39,0" N	107°00'44,8" E

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “64” + 70 m đến phao BHHH số “66” + 130 m, chiều dài khoảng 360 m, độ sâu đạt 5,9 m, độ sâu tại tim luồng đạt 7,4 m.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ4) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 250 m (tại khu nước phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái) độ sâu đạt 5,2 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 7,2 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trong luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải để điều động tàu thuyền đảm bảo an toàn hàng hải.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ hồ sơ nghiệm thu kết quả khảo sát kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu từ VTTV_2505_01, đến VTTV_2505_13, tỷ lệ 1/5.000 do Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 5/2025. Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo Nghị định số

58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Xi nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Đài thông tin duyên hải TP. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu;
- Xi nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Sở Xây dựng: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN & MT: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai;
- Bộ tư lệnh Quân chủng Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biên Việt Nam;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Các doanh nghiệp chủ tàu;
- Các doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các doanh nghiệp quản lý và khai thác cảng;
- Các đại lý hàng hải;
- Giám đốc cơ quan;
- Đăng Website CVHHVT: <http://cangvuhanghaivungtau.gov.vn>;
- Các phòng nghiệp vụ, Đại diện CVHHVT;
- Lưu VT, QLKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Duy Nhân



Bình đồ số hóa

Số: 1927/TBHH-CVHHVT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của Vùng đón trả hoa tiêu số 3, Vùng đón trả hoa tiêu số 4 tại luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải

Vùng biển: Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Vũng Tàu - Thị Vải

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.

Xét Đơn đề nghị số 67/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 04/6/2025 của Xi nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật của Vùng đón trả hoa tiêu số 3, Vùng đón trả hoa tiêu số 4 tại luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu thông báo về thông số kỹ thuật của Vùng đón trả hoa tiêu số 3, Vùng đón trả hoa tiêu số 4 tại luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải như sau:

1. Trong phạm vi Vùng đón trả hoa tiêu số 3 luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm K, L, M, N có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K	10°17'00" N	107°04'00" E	10°16'56" N	107°04'06" E
L	10°17'00" N	107°06'00" E	10°16'56" N	107°06'06" E
M	10°15'28" N	107°06'00" E	10°15'25" N	107°06'06" E
N	10°15'28" N	107°04'00" E	10°15'25" N	107°04'06" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,9 m.

2. Trong phạm vi Vùng đón trả hoa tiêu số 4 luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm N, M, O, P có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N	10°15'28,0" N	107°04'00,0" E	10°15'25,0" N	107°04'06,0" E
M	10°15'28,0" N	107°06'00,0" E	10°15'25,0" N	107°06'06,0" E
O	10°13'47,9" N	107°05'59,9" E	10°13'44,3" N	107°06'06,3" E
P	10°13'48,3" N	107°03'59,9" E	10°13'44,7" N	107°04'06,3" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 18,7 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trong khu vực được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên, căn cứ Thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để điều động tàu thuyền đảm bảo an toàn hàng hải.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ hồ sơ nghiệm thu kết quả khảo sát kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu ĐHTVT3_2505, ĐHTVT4_2505, tỷ lệ 1/5000 do Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 5/2025. Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Đài thông tin duyên hải TP. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Sở Xây dựng: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN & MT: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai;
- Bộ tư lệnh Quân chủng Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Các doanh nghiệp chủ tàu;
- Các doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các doanh nghiệp quản lý và khai thác cảng;
- Các đại lý hàng hải;
- Giám đốc cơ quan;
- Đăng Website CVHHVT: <http://cangvuhanghaivungtau.gov.vn>;
- Các phòng nghiệp vụ, đại diện CVHHVT;
- Lưu VT, QLKCHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Duy Nhân



Bình đồ số hóa